

**TÒA ÁN NHÃ DÃ
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÃ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÃ DÃ HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhÃ dÃ: Ông Nguyễn Văn Phước.

Ông Lê Văn Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn – Thư ký Tòa án nhÃ dÃ huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhÃ dÃ huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhÃ dÃ huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 662/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: 106/7, Ấp 6, xã T H, huyện L T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Đỗ Thiên A, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Quảng Ngãi, xã T H, huyện L T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhÃ: Chị và anh Lê Đỗ Thiên A chung sống với nhau từ năm 2003, không có đăng ký kết; chị và anh A sống hạnh phúc đến năm 2005 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhÃ do chị và anh A quan đẽm, tính tình không phù hợp nhau. Chị và anh A sống ly thÃ từ năm 2006 cho đến nay.

Nay chị xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhÃ không đạt được, mặc dù đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A

Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14/4/2005

Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm; không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

2. Tại bản tự khai ngày 10/10/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đỗ Thiên A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị D chung sống với nhau từ năm 2003, không có đăng ký kết; anh và chị D sống hạnh phúc đến năm 2005 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị D quan đẽm, tính tình không phù hợp nhau. anh và chị D sống ly thA từ năm 2006 cho đến nay.

Nay anh xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không được nên chị D xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14/4/2005

Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Tâm cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

3. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội D giải quyết vụ án : Đề nghị Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh A.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 14/04/2005.

Anh chị thỏa thuận giao cháu Tâm cho chị D nuôi dưỡng, tạm thời anh A không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên; phù hợp với quy định tại Điều 81 – 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Lê Đỗ Thiên Ân có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Lê Đỗ Thiên Ân.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D và anh Lê Đỗ Thiên Ân chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Như vậy, chị Dương Thị D, anh Lê Đỗ Thiên Ân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị D và anh Ân là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh Ân có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14/4/2005. Hiện cháu Tâm đang ở với chị D. Chị D và anh Ân thỏa thuận giao cháu Tâm cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm thời anh Ân không phải cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Tâm cho chị D nuôi dưỡng, tạm thời anh Ân không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Dương Thị D và anh Lê Đỗ Thiên Ân là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14/4/2005.

Xử giao cháu Tâm cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ân không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị D, anh Ân vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Ân có quyền thăm nom con, không ai được

cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004628 ngày 01/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (chị D đã nộp xong).

Nguyên đơn chị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Văn phòng, Thẩm phán (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

Thành viên Hội đồng xét xử

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mai Nguyễn Văn Phước

Dương Tấn Hưng